

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 18 - 01 - 2022  
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thái Văn Sơn;

2. Bà Trần Thị Lợi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Văn Bé-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh**  
tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 726/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 387/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm: 1994 (Xin vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 5, phường H, thị xã H1, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn L, sinh năm: 1992 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 418 Nguyễn Thị L, ấp 1, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 25/6/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều D trình bày:*

Bà và chồng là ông Bùi Văn L xây dựng gia đình năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, có tổ chức cưới, hai bên tự nguyện.

Sau khi xây dựng gia đình, bà và ông L chung sống tại gia đình chồng ở xã Ph, huyện C, thời gian đầu có hạnh phúc, sống bên gia đình chồng được 02 năm thì vợ chồng bà chuyển đến thuê nhà sinh sống và làm việc tại tỉnh B, sống được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm đến gia đình, ông L còn có hành vi bạo lực với bà, giữa bà và ông L không cùng quan điểm, không chia sẻ được, năm 2014 bà dẫn 02 con về quê ở tỉnh Thừa Thiên Huế sống cho đến nay, từ lúc dẫn các con về quê, ông L không hề qua lại, phụ cấp dưỡng nuôi con, bà và ông L đã ly thân từ năm 2014 đến nay, bà nhận thấy giữa bà và ông L không còn tình cảm, hai bên xa

nhau đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L.

Bà và ông L có 02 con chung tên Bùi Gia L1, sinh ngày 01/12/2011 và Bùi Gia Nh, sinh ngày 01/12/2011, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung bà và ông L không có, nợ chung không có.

*\* Bị đơn là ông Bùi Văn L vắng mặt.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 25/6/2020, bà Nguyễn Thị Kiều D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Bùi Văn L, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung không có, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Ông L đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại số 418 Nguyễn Thị L, ấp 1, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là ông L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa (ông L không có mặt tại địa chỉ nơi cư trú tại các thời điểm thời điểm tổng đạt do bận đi làm nên Phó Trưởng ấp 1, xã Ph, huyện C là ông Nguyễn Văn S nhận thay và cam kết giao lại các văn bản tố tụng nêu trên cho ông L) nhưng vẫn không đến Tòa, nguyên đơn là bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt ông L và bà D theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Bùi Văn L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 119/2012 do Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C cấp ngày 10/10/2012, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà D thì sau khi xây dựng gia đình vào năm 2011, hai bên chung sống hạnh phúc tại nhà cha mẹ chồng bà ở ấp 1, xã Ph, huyện C, sống được 02 năm thì chuyển về tỉnh Bình Dương sinh sống để làm việc, thời gian đầu có hạnh phúc, mâu thuẫn xảy ra vào năm 2014, nguyên nhân do ông L thường nhậu nhẹt, ít quan tâm đến gia đình, ông L còn có hành vi bạo lực gia đình đối với bà, từ năm 2014 bà đã dắt 02 con về quê tại tỉnh Thừa Thiên Huế sinh sống, thời gian bà cùng 02 con về quê sống cho đến nay, ông L không quan tâm đến con, không phụ cấp dưỡng, bà nhận thấy bà và ông L xa nhau đã lâu, tình cảm bà dành cho ông L không còn, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu được ly hôn.

Xét ông L không đến Tòa án theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, điều đó cho thấy ông L không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với bà D, do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do bà D cung cấp, bà D và ông L không còn chung sống cùng chung một địa chỉ, do đó Hội đồng xét xử xét không cần thiết phải xác minh về tình trạng hôn nhân của ông bà tại địa phương theo quy định tại Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông L đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông L là có cơ sở.

[4] Về con chung:

Bà D và ông L có 02 con chung tên Bùi Gia L1, sinh ngày 01/12/2011 và Bùi Gia Nh, sinh ngày 01/12/2011, ông L không đến Tòa để đưa ra ý kiến về con chung, 02 cháu L1 và Nh hiện đang sống chung với mẹ và có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, để ổn định tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu L1 và cháu Nh cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của bà D, không trái pháp luật nên ghi nhận sự tự nguyện này. Nếu sau này bà D có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Bà D xác định không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà D xác định không có.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kiều D, cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kiều D và ông Bùi Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 119/2012 do Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/10/2012 cho bà D và ông L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Bà D và ông L có 02 con chung tên là Bùi Gia L1, sinh ngày 01/12/2011 và Bùi Gia Nh, sinh ngày 01/12/2011.

Giao 02 cháu L1 và Nh cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D về việc tạm thời không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản chung: Bà D xác định không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà D xác định không có.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0084227 ngày 10/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**